

Số: 63/2020/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 29 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 54/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lèo Thị D, sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản B, Đ, xã N, B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Anh Cà Văn N, sinh năm 1987. Địa chỉ: Bản N, S,, xã Ch, S,, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Lèo Thị D và anh Cà Văn N kết hôn với nhau từ năm 2010 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã N, B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/03/2010.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, quá khác biệt về quan niệm sống, cách sống, tính cách hoàn toàn trái ngược nhau. Không đồng nhất quan điểm về kinh tế, gia đình. Làm tổn thương tình cảm của nhau và ảnh hưởng đến sự phát triển của con. Mặc dù hai bên đã rất nhiều lần nói chuyện nhằm tìm ra cách giải quyết tuy nhiên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài làm mất dần tình cảm đối với nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng đến năm 2019 anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Anh chị xác nhận tình cảm không còn, đề nghị Tòa án

công nhận thuận tình ly hôn cho các bên. Tại phiên hòa giải, chị D anh N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị D anh N.

[2] Về con chung: Chị D, anh N có 02 con chung là cháu Cà Chính D, sinh ngày 22/12/2009 và cháu Cà Ánh T, sinh ngày 23/12/2015. Hai bên thống nhất: Giao cả 02 cháu D và T cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N mức 1.000.000vnd/ 1 tháng cho cả 2 cháu (mỗi cháu là 500.000đ) . Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2020 đến khi cả 2 cháu D và T đủ 18 tuổi.

Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị D, anh N tự nguyện thỏa thuận. Nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí tòa án: Chị D nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lèo Thị D và anh Cà Văn N nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị D, anh N có 02 con chung là các cháu Cà Chính D, sinh ngày 22/12/2009 và cháu Cà Ánh T, sinh ngày 23/12/2015. Giao cả 2 cháu Doanh và Tuyết cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N mức 1.000.000VNĐ (Một triệu đồng) /1 tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2020 đến khi cả 2 cháu D và T đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, chị D được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị D thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị D, anh N tự nguyện thỏa thuận. Nên không yêu cầu Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lèo Thị D nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0002213 ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã N, B;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Kiều Anh